

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HS-ST
Ngày: 14-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao

Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Thanh S1 (tên gọi khác: Tuấn Em), sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp 3B, xã Phước L, huyện Bến L, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thủy T; Bản thân có vợ tên Phan Thị H và có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2020 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Võ Ngọc H1, sinh năm 1976 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 106D/93, Đường Lạc Long Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Phạm Thị Ph1, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 16, Đường Lê Văn T, Khu phố N, Phường M, thành phố Tây N, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp Chợ, xã Phước L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

3. Ông Võ Văn B, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 106D/93, Đường Lạc Long Q, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Trần Mạnh Kh (vắng mặt); bà Lương Thị Ngọc Tr (vắng mặt); ông Lê Văn T (vắng mặt); ông Trần Thế B (vắng mặt); ông Phạm Kim S (vắng mặt); ông Ung Hoàng H (vắng mặt); ông Đỗ Đông Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh S1 và Võ Ngọc H1 có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội. Khoảng 22 giờ ngày 13/8/2020, H1 điện thoại kể lại cho S1 biết việc H1 bị ông Nguyễn Văn S làm đơn tố cáo H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An về hành vi chiếm đoạt tài sản với số tiền 25.000.000đồng tại nhà ông Nguyễn Văn C vào ngày 13/8/2020. H1 nhờ S1 tìm người quen biết, giúp đỡ H1 khỏi bị khởi tố hình sự vì trước đó H1 thấy S1 đi xe ô tô có gắn lô gô của Bộ Công an. S1 nói với H1 đang ngủ, có gì ngày mai lên Thành phố Hồ Chí Minh, S1 tìm người hỏi giúp rồi trả lời cho H1 sau.

Ngày 14/8/2020, S1 lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp ông Lê Văn T; S1 nói cho ông T biết sự việc của H1 và nhờ ông T tìm người giúp đỡ H1 thì được ông T đồng ý và kêu S1 nói với H1 chuyển số tiền 50.000.000đồng. Khoảng 08 giờ cùng ngày, S1 gọi điện thoại cho H1 nói dối với H1 có người quen làm ở Bộ Công an, có thể giúp được H1 và kêu H1 chuyển trước số tiền 50.000.000đồng vào tài khoản 112401911 của S1 thì H1 đồng ý. Lúc này, H1 đang ở nhà tại ấp 4, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển tiền từ tài khoản của H1 (101800976769) vào tài khoản của S1 (112401911) số tiền 10.000.000đồng bằng dịch vụ chuyển tiền Internet Banking, Ngân hàng Vietinbank vào lúc 08 giờ 59 phút 29 giây ngày 14/8/2020. Sau đó, H1 gọi điện thoại cho vợ Phạm Thị Ph1 đi cầm cố xe mô tô lấy số tiền 40.000.000đồng và nhắn tin số tài khoản của S1 để bà Ph1 chuyển tiền cho S1. Khoảng từ 09 giờ ngày 14/8/2020, bà Ph1 đến cửa hàng điện thoại di động Minh Cảnh, thuộc ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển tiếp số tiền 40.000.000đồng vào tài khoản của S1 (112401911) lúc 09 giờ 13 phút cùng ngày. Khi nhận được tin nhắn của ngân hàng, biết H1 đã chuyển tiền nên S1 gọi điện cho H1 xác nhận với H1 đã nhận được số tiền 50.000.000đồng. Sau đó, S1 rút số tiền 50.000.000đồng tại trụ ATM thuộc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Phòng giao dịch Bùi Hữu Nghĩa, địa chỉ số 79, đường Bùi Hữu Nghĩa, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/8/2020 đến ngày 23/8/2020, S1 sử dụng số điện thoại 0908.637.054 điện thoại cho H1 nói “*tình hình rất căng, anh sẽ bị khởi tố tội Cường đoạt và Cướp tài sản, khung hình phạt từ 07 đến 10 năm,*

thậm chí 15 năm hoặc lâu hơn, bây giờ anh muốn dàn xếp thì phải nhờ em nói chuyện với thầy em làm ở Tổng cục II, nói chuyện với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xuống làm việc với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thì mới được việc...” và yêu cầu H1 phải chuẩn bị số tiền từ 300.000.000đồng đến 400.000.000đồng. Lúc này, H1 nghi ngờ nên kể lại sự việc cho vợ Phạm Thị Ph1, cha ruột ông Võ Văn B, bà Lương Thị T biết thì được mọi người nói Tổng cục II - Bộ Công an không còn tồn tại từ lâu, biết S1 lừa đảo nên H1 tắt máy điện thoại, không liên lạc với S1 nữa. Khoảng 11 giờ ngày 11/9/2020, S1 không liên lạc được với H1 nên gọi điện thoại cho ông B và yêu cầu ông B chuẩn bị số tiền 300.000.000đồng để đưa cho S1 lo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao xuống tỉnh Long An để không xử lý hình sự H1 về hành vi Cướp tài sản. Các lần gọi điện thoại của S1 được ông B, H1 ghi âm và ông B đã giao nộp tài liệu này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An, tổng cộng có 21 file âm thanh được lưu giữ trong 02 USB, hiệu SanJisk, loại 8GB, màu đỏ-đen và 02 file âm thanh được lưu giữ trong 01 USB, hiệu SDCZ33, loại 8GB, màu trắng-đen. Ngày 17/9/2020, bà Phạm Thị Ph1 đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Long An làm đơn tố cáo hành vi của S1 và giao nộp 01 giấy chuyển tiền ngày 14/8/2020. Ngày 01/10/2020, H1 đến Công an tỉnh Long An đầu thú.

Tại kết luận giám định số: 5072/C09B ngày 21/12/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong các file âm thanh mẫu cần giám định; Nội dung hội thoại trong các file âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản gồm 45 trang giấy A4.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Ph1 trình bày: Bà Ph1 là vợ của ông H1. Ngày 14/8/2020, ông H1 điện thoại cho bà yêu cầu chuyển số tiền 40.000.000đồng vào tài khoản (112401911) của bị cáo S1. Bà đã được bị cáo S1 trả lại số tiền này nên bà không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, ông Võ Ngọc H1 trình bày: Ông H1 và bị cáo S1 là bạn bè ngoài xã hội. Ngày 13/8/2020, ông bị ông S tố cáo về hành vi chiếm đoạt số tiền 25.000.000đồng tại nhà ông Nguyễn Văn C. Ông có nhờ S1 tìm người quen biết, giúp đỡ vì ông thấy bị cáo S1 trước đó đi xe ô tô có gắn lô gô của Bộ Công an. Ngày 14/8/2020, S1 điện thoại yêu cầu ông chuyển số tiền 50.000.000đồng; vì tin tưởng nên ông đã chuyển số tiền 10.000.000đồng từ tài khoản của ông (101800976769) vào tài khoản của bị cáo S1(112401911) bằng dịch vụ chuyển tiền Internet Banking, Ngân hàng Vietinbank vào lúc 08 giờ 59 phút 29 giây ngày 14/8/2020. Sau đó, ông gọi điện thoại cho vợ Phạm Thị Ph1 chuyển số tiền 40.000.000đồng vào tài khoản (112401911) của bị cáo S1 lúc 09 giờ 13 phút ngày 14/8/2020, tại cửa hàng điện thoại di động Minh Cảnh. Bị cáo S1 đã trả lại cho vợ chồng ông số tiền 50.000.000đồng nên ông không yêu cầu bị cáo S1 phải bồi thường về dân sự. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh S1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hành vi của bị cáo bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng tội bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về giám định số 5072/C09B ngày 21/12/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không bị đe dọa, cưỡng ép.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSBL ngày 09/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Thanh S1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức vẫn giữ nguyên nội dung Bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thanh S1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh S1 mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động chính của gia đình, phải nuôi vợ và hai con nhỏ, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên đề nghị căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Ngọc H1, bà Phạm Thị Ph1 đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên đề nghị không xét đến.

- Về vật chứng, tang vật của vụ án: đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho Trần Thanh S1 tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh đen, số seri RF8M50PCGNN bên trong có gắn sim 098.801.8641; 01 (một) thẻ ATM số 4541190185251052. Trả lại cho Võ Ngọc H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone, mặt sau có dán băng keo màu trắng (tình trạng bị hư hỏng);

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 02 (hai) USB hiệu Sandisk 8GB màu đỏ, đen; 01 (một) USB ký hiệu SDCZ33 8GB màu trắng, đen;

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Bị cáo Trần Thanh S1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi khi được ông H1 nhờ tìm người có chức năng, quyền hạn để giải quyết yêu cầu của ông H1 về việc lo cho ông H1 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù, bị cáo không có quen biết ai nhưng lại hứa hẹn với ông H1 sẽ tìm người có chức năng, quyền hạn giúp đỡ ông H1 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi ông H1 đánh ông S để chiếm đoạt tiền. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nói với ông H1 là bị cáo quen biết nhiều người có thể giúp ông H1 khỏi bị khởi tố vụ án làm cho ông H1 tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 50.000.000đồng. Cụ thể, vào lúc 08 giờ 59 phút 29 giây ngày 14/8/2020, ông H1 ở nhà tại ấp 4, xã Phước Lợi chuyển số tiền 10.000.000đồng từ tài khoản của H1 (101800976769) vào tài khoản của bị cáo S1 (112401911); lúc 09 giờ 13 phút ngày 14/8/2020, ông H1 gọi điện thoại cho vợ là Phạm Thị Ph1 nhờ bà Ph1 đến cửa hàng điện thoại di động Minh Cảnh tại địa chỉ ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức chuyển số tiền 40.000.000đồng vào tài khoản của bị cáo S1 (112401911). Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo S1 thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là tài sản của công dân. Như vậy, hành vi của bị cáo S1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã vận động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt để trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết này cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bản thân bị cáo thuộc thành phần lao động thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét hình phạt: Hành vi trái pháp luật của bị cáo S1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi này của bị cáo cần được xử lý nghiêm, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo là lao động chính của gia đình, phải nuôi vợ và hai con nhỏ; bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để xử phạt bị cáo mức án vừa có tính chất răn đe, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất của vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động chính của gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Ngọc H1, bà Phạm Thị Ph1 không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về vật chứng, tang vật của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Trần Thanh S1 tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh đen, số sê ri RF8M50PCGNN bên trong có gắn sim 098.801.8641; 01 (một) thẻ ATM số 4541190185251052. Trả lại cho Võ Ngọc H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước tài sản liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 (một) điện thoại di động Iphone, mặt sau có dán băng keo màu trắng (tình trạng bị hư hỏng);

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 02 (hai) USB hiệu Sandisk 8GB màu đỏ, đen; 01 (một) USB ký hiệu SDCZ33 8GB màu trắng, đen.

[8] Đối với hành vi của ông Lê Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo S1 khai sau khi bị cáo nhận số tiền 50.000.000đồng từ ông H1, bị cáo đã giao số tiền này cho ông Lê Văn T, cụ thể: vào lúc 09 giờ - 10 giờ ngày 14/8/2020, S1 đưa cho ông T số tiền 10.000.000đồng tại quán Hoa Biển có sự chứng kiến của ông H, ông Phạm Kim S (Tám Sơn); vào lúc 08 giờ - 09 giờ ngày 15/8/2020, S1 đưa cho ông T số tiền 10.000.000đồng tại nhà ông T có sự chứng kiến của ông H, bà Tr; vào lúc 09 giờ ngày 19/8/2020, S1 đưa cho ông T số tiền 30.000.000đồng

tại nhà ông T có sự chứng kiến của ông H, bà Tr. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận có nhận số tiền 50.000.000đồng từ bị cáo S1. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo S1 với ông T ngày 28/12/2020 (bút lục 217-218-219-200), ông T không thừa nhận có việc bị cáo S1 nhờ chạy án và ông không có nhận số tiền 50.000.000đồng như bị cáo S1 trình bày. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo S1 với ông H ngày 29/12/2020 (bút lục 221-222-223-224), ông H khai không biết, không thấy bị cáo S1 đưa cho ông T 03 lần tiền như lời khai của bị cáo S1. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo S1 với bà Tr ngày 07/01/2021 (bút lục 227-228), bà Tr khai không biết, không chứng kiến bị cáo S1 đưa cho ông T 02 lần tiền vào các ngày 15/8 và ngày 19/8/2020. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo S1 với ông S ngày 04/01/2021 (bút lục 225-226), ông S khai không biết, không chứng kiến việc bị cáo S1 đưa cho ông T số tiền 10.000.000đồng ngày 14/8/2020. Ngoài lời khai của bị cáo S1 thì không còn chứng cứ nào khác để chứng minh bị cáo S1 đã đưa cho ông T số tiền 50.000.000đồng vào các ngày 14/8, 15/8 và ngày 19/8/2021. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không đủ chứng cứ để chứng minh hành vi của ông T là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thanh S1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh S1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh S1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/10/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thanh S1 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 14/12/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho Trần Thanh S1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh đen, số sê ri RF8M50PCGNN bên trong có gắn sim 098.801.8641; 01 (một) thẻ ATM số 4541190185251052;

Trả lại cho Võ Ngọc H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone, mặt sau có dán băng keo màu trắng (tình trạng bị hư hỏng);

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 02 (hai) USB hiệu Sandisk 8GB màu đỏ, đen; 01 (một) USB ký hiệu SDCZ33 8GB màu trắng, đen;

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang quản

lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2021).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thanh S1 phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bến Lức;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông